

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét đơn xin đăng ký bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng và Biên bản đánh giá ngày 12 tháng 7 năm 2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng
 - Địa chỉ: Số 47 - Đường Mai Hắc Đế - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An.
 - Mã số thuế: 2900640461;
 - Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng
 - Địa điểm đặt phòng thí nghiệm: Số 47, Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 976
3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết ngày 18 tháng 10 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Công ty CP tư vấn kiểm định xây dựng;
- Sở XD tỉnh Nghệ An;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



☆ Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC BỔ SUNG CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 976**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 213 /GCN-BXD, ngày 14 tháng 7 năm 2022)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
THÍ NGHIỆM ĐẤT		
1	Tính nén lún (không nở hông)	TCVN 4200; ASTM D2435; ASTM D4546; AASHTO T216; BS1377-5; JIS A1217
2	Thí nghiệm nén 3 trục	TCVN 8868; BS 1377; ASTM D2850; ASTM D4767; ASTM D7181; AASHTO T296; AASHTO T297; BS 1377; ASTM D4546
3	Hệ số thấm	TCVN 8723; ASTM D2434; ASTM D4647; AASHTO T215; BS 1377-5; JIS A1216
4	Thí nghiệm nén một trục có nở hông	TCVN 9438; BS 1377; ASTM D2166; AASHTO T208; JIS A1216
5	Hàm lượng hữu cơ mất khi nung	AASHTO T267; ASTM D2974; BS1377-3
6	Góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724
7	Đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719
8	Xác định độ tan rã	TCVN 8718
9	Xác định độ co ngót	TCVN 8720
10	Đương lượng cát (ES)	AASHTO T176; ASTM D2419
11	Hàm lượng thạch cao trong đất	TCVN 6862
12	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 8727; TCVN 9436
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA ĐẤT VÀ CÁP PHỐI GIA CỐ		
13	Cường độ ép chẻ	22 TCN73-84; TCVN 8862
14	Cường độ kháng ép	22 TCN 59-84; ASTM D1633
15	Độ ổn định của mẫu với nước và nhiệt sau 5 chu kỳ bão hòa - sấy	22 TCN 59-84
16	Môđun đàn hồi	22 TCN 72-84; TCVN 9843
17	Xác định độ đầm chặt	ASTM D559
18	Xác định độ tan rã	ASTM D4644; JGS 2124; JGS 2125
THÍ NGHIỆM XI MĂNG		
19	Nhiệt thủy hóa xi măng	TCVN 6070
20	Giới hạn bền nén PP nhanh	TCVN 3736
21	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068
22	Xác định thành phần hóa	TCVN 141; ASTM C114/C471
23	Xác định độ nở Autoclave	TCVN 8877
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ THÉP VÀ MỐI HÀN		
24	Thử phá hủy mối hàn kim loại - Thử uốn	TCVN 5401; ASTM A184/ 184M
25	Thử phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang, thử kéo dọc	TCVN 8310; TCVN 8311
26	Kiểm tra không phá hủy - PP bột từ	TCVN 4396; ASTM E7099
27	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 6735;TCVN 1548;ASTM E164;JIS Z3060
28	Thử cắt mối hàn chữ thập của lưới hàn	TCVN 8163; TCVN 9392
29	Kiểm tra không phá hủy - Kiểm tra mối hàn kim loại bằng tia Roghen và Gamma	TCVN 4395
30	Thử kéo tĩnh mối nối bằng ống ren	TCVN 8163; ISO 15835
31	Ống - Thử nén bẹp	TCVN 1830; ISO 8492
32	Kiểm tra không phá hủy bằng PP thăm thấu	TCVN 4617; ASTM E165; JIS Z2343



THÍ NGHIỆM ĐÁ VÔI VÀ VÔI		
33	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 9191; JIS M8850
34	Hàm lượng SiO ₂	TCVN 9191; JIS M8850
35	Hàm lượng Fe ₂ O ₃	TCVN 9191; JIS M8850
36	Hàm lượng Al ₂ O ₃	TCVN 9191; JIS M8850
37	Hàm lượng MgO	TCVN 9191; JIS M8850
38	Hàm lượng CaO	TCVN 9191; JIS M8850
39	Hàm lượng SO ₄ ²⁻	TCVN 9191; JIS M8850
40	Hàm lượng căn không tan trong axit (CKT)	TCVN 9191
41	Hàm lượng (Cl ⁻)	TCVN 9191
42	Hàm lượng kali oxit (K ₂ O) và natri oxit (Na ₂ O)	TCVN 141
43	Xác định hàm lượng hạt không tôi	TCVN 2231
44	Xác định hàm lượng (CaO + MgO) hoạt tính	TCVN 2231
45	Xác định độ ẩm	TCVN 2231
THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU CHỐNG THÂM - BĂNG CHẶN NƯỚC PVC		
46	Khối lượng riêng	TCVN 4866; ASTM D792
47	Độ cứng shore A	TCVN 1595-1; ASTM D2240
48	Cường độ chịu kéo	TCVN 4509; ASTM D412
49	Độ giãn dài khi đứt	TCVN 4509; ASTM D412
50	Tỉ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9407
51	Độ bền hóa chất trong môi trường kiềm	TCVN 9407
52	Độ bền hóa chất trong môi trường nước muối	TCVN 9407
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
53	Sức kháng xuyên (thí nghiệm xuyên tĩnh đo áp lực lỗ rỗng CPTu)	TCVN 9846:2013; ASTM D5778; BS 1377-9
54	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:12; ASTM D3441; ASTM D1586; AASHTO T206; ASTM D5778; BS 1377-9
55	Thí nghiệm cọc bằng PP biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945-00; TCVN 11321:2016
56	Kiểm tra lực kéo, nhô của bu lông, thép	ASTM E488-95; TCVN 9490; TCVN 8163
57	PP xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011; 22 TCN 02:71; BS 1377-7; ASTM D4429
58	Cột điện bê tông ly tâm - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5847:2016
59	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:08; JIS A5335; JIS A5337; JIS A5373
60	Sức kháng trượt của mặt đường bằng thiết bị con lăn Anh	ASTM E303; TCVN 10271:2014
61	Độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011; ASTM E950/ E1028
62	Thí nghiệm chùy xuyên động (DCP)	ASTM D6951
63	Áp lực lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011; AASHTO T252
64	Đo chuyển vị nghiêng	AASHTO T254
65	Thấm nước của đá bằng PP ép nước trong lỗ khoan	TCVN 9149; ASTM D6391
66	Độ ẩm hiện trường	ASTM D4944
67	Thấm nước của đất bằng PP đổ nước trong hố đào và hố khoan	TCVN 8731
68	Xuyên động - DPSH	BS 1377-9
69	Xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 9760; ISO 2808:2019; ASTM D6132-13
70	Thí nghiệm lớp vật liệu tái chế nguội	TCVN 13150-1, 2

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.